

Bản án số: 390/2023/HS-PT

Ngày: 13-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Cường
Ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Trường - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 344/2023/TLPT-HS ngày 21 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Ngô Văn P, Lê Ánh V về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Do có kháng cáo của các bị cáo, kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2023/HS-ST ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quảng Nam.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Ngô Văn P, sinh ngày 11/12/1958, tại: huyện N, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: hưu trí; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô M và bà Ngô Thị T (đều đã chết); có vợ và 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang tại ngoại. Có mặt.

2. Lê Ánh V, sinh ngày 21/11/1984, tại: huyện N, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B và

bà Châu Thị Đ; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang tại ngoại. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Ánh V: Ông Vũ Minh T1, Luật sư Văn phòng Luật sư Vũ Minh T1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q, có mặt.*

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:***

+ Ông Ngô L, sinh năm 1953;

Địa chỉ: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà Trần Thị T2, sinh năm 1953.

Địa chỉ: 2336NW160St C, Hoa Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô L, bà Trần Thị T2: bà Ngô Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2005, vợ chồng ông Ngô L và bà Trần Thị T2 có nhu cầu mua đất ở nên nhờ em ruột ông L là Ngô Văn P mua giúp thửa đất tại khu dân cư xã T. Ngô Văn P nói với ông L rằng có người bán lô đất tại khu quy hoạch của Ủy ban nhân dân (UBND) xã T nên ông L nhờ Ngô Văn P đứng ra làm các thủ tục mua đất có liên quan.

Ngô Văn P (thời điểm này là Trưởng ban Địa chính - Xây dựng thuộc UBND xã T) bàn bạc với ông Phan Đình P1 (thời điểm này là công chức Địa chính - Xây dựng thuộc UBND xã T) lập khống hồ sơ giao đất cho người không có thật tên là Phan Đình N (sinh năm 1975; HKTT: Thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam) và Phạm Thị Mai H1 (sinh năm 1976; HKTT: Thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam) để tham mưu Chủ tịch UBND xã T và UBND huyện N ra Quyết định giao thửa đất số 02, khu 1, theo bản đồ quy hoạch của UBND xã T (nay là thửa đất số 44, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam).

Quá trình thực hiện, ông P1 trực tiếp lập khống toàn bộ hồ sơ giao đất, gồm: sổ hộ khẩu photo, đơn xin giao đất, trích lục bản đồ giao đất cho người không có thật nêu trên, rồi chuyển hồ sơ cho Ngô Văn P tham mưu cho ông Lê Tấn A (Chủ tịch UBND xã T) ký xác nhận vào đơn xin giao đất. Sau đó, Ngô Văn P chuyển toàn bộ hồ sơ giao đất trên đến Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N để thẩm tra. Ông Nguyễn Minh K (là nhân viên hợp đồng của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N) được giao nhiệm vụ thẩm tra hồ sơ nhưng đã không tiến hành thẩm tra thực tế mà ký xác nhận thẩm tra trên cơ sở hồ sơ của UBND xã T trình, rồi trình Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND huyện N ban hành Quyết định số 3503/QĐ-UB ngày 09/11/2005 giao đất cho người không có thật tên là Phan Đình N và Phạm Thị Mai H1.

Khi có thông báo nộp tiền sử dụng đất theo Quyết định số 3503/QĐ-UB ngày 09/11/2005 của UBND huyện N, ông Ngô L đưa cho Ngô Văn P số tiền 21.000.000 đồng để làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất trên. Ngày 24/5/2006, ông Phan Đình P1 cùng Ngô Văn P đến Kho bạc Nhà nước, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N nộp các khoản thu phí theo Quyết định giao đất trên với số tiền 8.118.000 đồng, còn lại 12.882.000 đồng Ngô Văn P cất giữ. Ông Phan Đình P1 là người ký tên “Phan Đình N” trong Giấy nộp tiền sử dụng đất và đưa Quyết định giao đất, các biên lai thu phí trên cho ông Ngô Lang. Đến đầu tháng 5/2006, Ngô Văn P lập hợp đồng chuyển nhượng thửa đất trên từ người có tên Phan Đình N chuyển nhượng cho ông Ngô L nhưng không có chữ ký của ông Ngô L và Phan Đình N, rồi giao hợp đồng chuyển nhượng này cho ông Phan Đình P1 (*thời điểm đó là Phó Chủ tịch UBND xã T*) ký chứng thực nhưng không ghi ngày, tháng, năm chứng thực để hợp thức việc chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất nêu trên cho ông Ngô Lang. Ông P1 biết việc ký chứng thực này là không đúng quy định nhưng vẫn ký chứng thực.

Năm 2014, ông Ngô Lang từ Hoa K1 về lại Việt Nam. Ngày 12/4/2014, ông Ngô L ký tên người nhận chuyển nhượng vào hợp đồng nêu trên để Ngô Văn P mang hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này đến UBND xã T Đông đóng dấu chứng thực hợp đồng. Tuy nhiên, thời điểm này quy định của pháp luật về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cần phải công chứng, chứng thực trực tiếp giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng nên việc chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Ngô Lang n dự định ban đầu của Ngô Văn P và Phan Đình P1 không thực hiện được.

Khoảng cuối năm 2016 đến đầu năm 2017, ông Ngô L nhiều lần yêu cầu Ngô Văn P làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất trên nhưng không được nên ông Ngô Lang n1 con ruột là Ngô P2 liên hệ Ngô Văn P để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất trên. Ngô Văn P nói với Ngô Phước r nguồn gốc thửa đất nêu trên trước đây do P mua giúp cho ông L từ ông Phan Thành N1 và bà Phan Thị Mai H2 (*cùng trú tại: thôn T, xã T, huyện N*) nên P2 liên hệ và nhờ Lê Ánh V (*thời điểm này là nhân viên hợp đồng của Ban Địa chính - Xây dựng xã T*) làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*GCNQSDĐ*) thửa đất nêu trên, tên người sử dụng đất là Phan Thành N1 và Phan Thị Mai H2 để sau đó sẽ liên hệ ông N1 và bà H2 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất trên lại cho ông L.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ liên quan từ Ngô P2, mặc dù biết thửa đất nêu trên trước đây được lập thủ tục giao đất không đúng quy định (*trước đây Ngô Văn P đã hợp thức hóa hồ sơ của Phan Thành N1 và Phan Thị Mai H2*) nhưng Lê Ánh V vẫn đồng ý giúp theo đề nghị của ông Ngô Phước .1 Quá trình thực hiện, Lê Ánh V đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao là nhân viên hợp đồng Ban Địa chính - Xây dựng xã T, tiến hành hoàn thiện các thủ tục trích lục bản đồ, in các đơn xác nhận, đơn đăng ký trong hồ sơ nêu trên, rồi chuyển cho Ngô Văn P. Ngô Văn P ký tên Phan Thành N1 vào các giấy tờ có trong hồ sơ và trực tiếp tham mưu cho ông Bùi Văn T3 (*Phó Chủ tịch UBND xã T*) ký xác nhận nguồn gốc và

các hồ sơ có liên quan đến việc cấp GCNQSDĐ nêu trên rồi giao hồ sơ cho Ngô Phước n2 tại Chi nhánh Văn phòng Đ1.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ của Ngô P2, Chi nhánh Văn phòng Đ1 đã kiểm tra, thực hiện các thủ tục liên quan rồi trình hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N tham mưu UBND huyện N cấp GCNQSDĐ số CE 485651 và CE 485652 ngày 09/3/2017 đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, tên người sử dụng đất là ông Phan Thành N1 và bà Phan Thị Mai H2. Ngô Phước nhờ Lê Ánh V nhận GCNQSDĐ nêu trên về giao lại cho Ngô Phước .1 Tiếp đó, ông P2 liên hệ ông Phan Thành N1 và bà Phan Thị Mai H2 để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất nêu trên cho ông L nhưng ông N1 và bà H2 không đồng ý nên P2 giao lại GCNQSDĐ cho ông L. Thấy thửa đất mình nhờ Ngô Văn P mua trước đây đứng tên người khác nên ông Ngô L làm đơn gửi UBND xã T.

Đối với ông Phan Thành N1 và bà Phan Thị Mai H2, sau khi biết mình là người được cấp GCNQSDĐ nên đã gửi nhiều đơn khiếu nại, tố cáo đến nhiều cơ quan để yêu cầu giải quyết.

Năm 2021, ông Ngô L xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay quốc tế T5, ở với vợ là bà Trần Thị T2 tại địa chỉ: 2336NW160St C Hoa Kỳ. Đến ngày 09/9/2022, ông L và bà T2 nhập cảnh về Việt Nam.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 72/2021-KLGTS ngày 23/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N xác định giá trị thửa đất số 44, tờ bản đồ số 3, diện tích 196,7m², loại đất: đất ở tại nông thôn, địa chỉ: thôn P, xã T, huyện N (kèm GCNQSD đất và tài sản gắn liền với đất số CE485652 và CE485651) tại thời điểm tháng 3/2017 là 32.455.500 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 182/PC09 ngày 15/12/2021 của Phòng K2 Công an tỉnh Q xác định tài liệu ký hiệu A3 (Quyết định về việc thu hồi đất, giao đất ở cho công dân số 3503/QĐ-UB ngày 09/11/2005 của UBND huyện N cho Phan Thành N1 và Phạm Thị Mai H3 (bản chính) và trích lục bản đồ giao đất ở nông thôn ngày 09/11/2005 kèm theo Quyết định số 3503/QĐ-UB ngày 09/11/2005 của UBND huyện N (bản chính) tạm giữ trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Văn phòng Đ1) có dấu hiệu bị tẩy xóa ở vị trí chữ “T4”, “Nam” và “H3” trong tài liệu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2023/HS-ST ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Ngô Văn P và Lê Ánh V phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Văn P **01 (một)** năm **03 (ba)** tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Ánh V **09 (chín)** tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Kháng cáo

Ngày 06/6/2023, bị cáo Ngô Văn P có đơn kháng cáo đề nghị được hưởng án treo.

Ngày 06/6/2023, bị cáo Lê Ánh V có đơn kháng cáo đề nghị được hưởng án treo.

Ngày 09/6/2023, người liên quan ông Ngô L và bà Trần Thị T2 có đơn kháng cáo phần dân sự, yêu cầu bồi thường thêm số tiền bực mốc giới, đôn nền khoảng 50.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo và người liên quan giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Với các hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo Ngô Văn P đang điều trị bệnh mãn tính; gia đình bị cáo Lê Ánh V có công với cách mạng và có hoàn cảnh khó khăn, vai trò của bị cáo Lê Ánh V trong vụ án là thứ yếu. Theo qui định tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của HĐTP TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo, các bị cáo Ngô Văn P và Lê Ánh V đều đủ điều kiện cho hưởng án treo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đối với kháng cáo của người liên quan ông Ngô L và bà Trần Thị T2, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo Ngô Văn P phải bồi thường số tiền 21.000.000đ là có căn cứ. Người liên quan kháng cáo yêu cầu tăng số tiền bồi thường thiệt hại nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên đề nghị không chấp nhận.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Ánh V trình bày:

Bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức cho bị cáo Ngô Văn P, có nguyên nhân do Ủy ban nhân dân huyện N không thu hồi Quyết định giao đất không đúng qui định của pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, cho bị cáo Lê Ánh V được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Ngô Văn P và Lê Ánh V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; có đủ cơ sở kết luận:

Vào năm 2005, bị cáo Ngô Văn P cùng với ông Phan Đình P1 lập không hồ sơ giao đất để tham mưu cho Chủ tịch UBND xã T (*nay là xã T*) ký xác nhận và chuyển cho Phòng T tham mưu cho UBND huyện N ban hành Quyết định giao đất cho người không có thật tên là Phan Đình N và Phạm Thị Mai H1. Trên cơ sở Quyết định giao đất cho người không có thật tên là Phan Đình N và Phạm Thị Mai H1, vào năm 2014, mặc dù biết rõ thửa đất trước đây được giao không đúng quy định pháp luật nên không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Ngô Văn P (*thời điểm này là Trưởng Ban Địa chính - Xây dựng xã T*) và Lê Ánh V (*thời điểm này là nhân viên hợp đồng của Ban Địa chính - Xây dựng xã T*) vẫn tiến hành hoàn thiện các thủ tục trích lục bản đồ, in các đơn xác nhận, đơn đăng ký có trong hồ sơ và trực tiếp tham mưu cho người có thẩm quyền ký xác nhận nguồn gốc sử dụng đất và các hồ sơ có liên quan để giao cho ông Ngô Phước n2 tại Chi nhánh Văn phòng Đ1 đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Thành N1 và bà Phan Thị Mai H2 đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 3, diện tích 196,7m², loại đất ở tại nông thôn, địa chỉ: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

[2] Các bị cáo có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch UBND xã trong lĩnh vực đất đai ở địa phương, mặc dù biết rõ thửa đất nêu trên không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vì động cơ cá nhân các bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, thực hiện không đúng các quy định của pháp luật trong lĩnh vực quản lý đất đai, cụ thể là thực hiện các thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Thành N1 và bà Phan Thị Mai H2 đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 3, diện tích 196,7m², loại đất ở tại nông thôn, địa chỉ: thôn P, xã T, huyện N không đúng quy định pháp luật, gây thiệt hại cho Nhà nước theo kết quả định giá là 32.455.500 đồng.

[3] Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại khoản 1 Điều 356 của Bộ luật Hình sự như bản án sơ thẩm đã qui kết là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo đề nghị được hưởng án treo, thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo Ngô Văn P được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba nên bị cáo Ngô Văn P được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và bị cáo Lê Ánh V được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo Ngô Văn P được tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng, hiện đang bị bệnh đái tháo đường và suy tim, suy thận; gia đình bị cáo Lê Ánh V có công với cách mạng và có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Do đó, các bị cáo Ngô Văn P và Lê Ánh V được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2

Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, đều là người thực hành, bị cáo Ngô Văn P giữ vai trò cao hơn so với bị cáo Lê Ánh V trong việc thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Xét bị cáo Lê Ánh V có vai trò thấp hơn so với bị cáo Ngô Văn P, bị cáo bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, cho bị cáo Lê Ánh V được hưởng án treo.

[6] Bị cáo Ngô Văn P do có vai trò cao hơn so với bị cáo Lê Ánh V nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo đề nghị hưởng án treo. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[7] Xét kháng cáo của ông Ngô L và bà Trần Thị T2:

Về trách nhiệm dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo Ngô Văn P trả lại số tiền 21.000.000 đồng cho ông Ngô L và bà Trần Thị T2 là có căn cứ. Bà Ngô Thị H (*là người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà T2*) kháng cáo yêu cầu bồi thường thêm số tiền bực mốc giới, đôn nền khoảng 50.000.000đ nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Bị cáo Ngô Văn P và Lê Ánh V không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự;
Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Ánh V;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Văn P;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô L và bà Trần Thị T2 về trách nhiệm dân sự.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2023/HS-ST ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn P **01 (một)** năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Ánh V **09 (chín)** tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Ánh V cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

3. Về trách nhiệm dân sự, áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự;

Buộc bị cáo Ngô Văn P có nghĩa vụ bồi thường cho ông Ngô L và bà Trần Thị T2 số tiền 21.000.000 đồng, bị cáo Ngô Văn P đã nộp số tiền 12.882.000đ (hiện đang tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện N theo Giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.9042536.00000 ngày 14/12/2021 của Công an huyện N), bị cáo Ngô Văn P còn phải bồi thường tiếp số tiền 8.118.000đ.

4. Án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Lê Ánh V và Ngô Văn P không phải chịu.

5. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Nam;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam công an tỉnh Quảng Nam;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự